

Bản án số: **1096/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 15 - 9 - 2022

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Dung

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Ngọc Hà

2. Bà Thái Thực Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Cẩm Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh** tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 237/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 208/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà **La Thị H**, sinh năm 1995

Địa chỉ thường trú: Số 292/4 Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre;

Địa chỉ cư trú: Số 617/2 đường L, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

**2. Bị đơn:** Ông **Lê Thanh L**, sinh năm 1983

Địa chỉ thường trú: Số 292/4 Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre;

Địa chỉ cư trú: Số 769/35 đường P, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*(Các đương sự vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ nguyên đơn bà La Thị H trình bày:*

Bà Hiền và ông Lê Thanh L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014 và có đăng ký kết hôn trễ hạn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60/2015, quyển số 01/2015 cấp ngày 18/7/2015).

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2020 mâu thuẫn phát sinh vì đời sống chung không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong mọi lĩnh vực, ông L không quan tâm chăm sóc gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau làm cho đời sống hôn nhân luôn luôn căng thẳng, ngột ngạt nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Dù bà H đã nhiều lần khuyên nhủ, cố gắng hàn gắn hạnh phúc nhưng không thành, nay tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà La Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Lê Thanh L.

Về con chung: Bà H xác định vợ chồng có 01 (một) con chung tên Lê Lam H, sinh ngày 28/11/2015. Ngoài ra, vợ chồng không còn con chung, con nuôi nào khác. Hiện trẻ H đang sống với bà H, do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà La Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông Lê Thanh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Thanh L đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử; Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Lê Thanh L đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mà vẫn vắng mặt. Do đó,

Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 và Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đồng thời, ông L đã được triệu tập đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của bà La Thị H thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, do bị đơn ông Lê Thanh L cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét thấy, bà La Thị H và ông Lê Thanh L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Xét yêu cầu của bà H xin được ly hôn với ông Lê Thanh L.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, cả hai phải có sự thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Thế nhưng, giữa bà H và ông L đã không còn sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau mà người nào chỉ biết bỏn phận người đó, mạnh ai nấy sống. Mặc dù, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông L đến Tòa để tạo điều kiện cho vợ chồng hòa giải, đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng ông L vẫn vắng mặt điều này thể hiện ông L đã không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình. Tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng trong một thời gian dài, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà La Thị H là có căn cứ phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về con chung: Bà La Thị H xác định trẻ Lê Lam H hiện đang do bà H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Xét thấy, trẻ H đang trong giai đoạn học tập, hình thành nhân cách nên cần có sự chăm sóc đặc biệt của người mẹ. Mặt khác, ông L cũng không đến Tòa nên cũng không thể hiện được ý kiến của ông về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Do đó, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung, việc giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi con, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông L cho đến khi bà H có yêu cầu là có căn cứ phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Lê Thanh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền ngăn cản, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và Gia đình.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

[6] Quyền kháng cáo: Bà La Thị H và ông Lê Thanh L có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 208, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn bà La Thị H.

Về hôn nhân: Bà La Thị H được ly hôn ông Lê Thanh L. (Giấy chứng nhận kết hôn số 60/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cấp ngày 18/7/2015 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

Về con chung: Giao 01 (một) con chung tên Lê Lam H, sinh ngày 28/11/2015 cho bà La Thị H trực tiếp nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Lê Thanh L cho đến khi bà H có yêu cầu. Ngoài ra, vợ chồng không còn con chung, con nuôi nào khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích, Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà La Thị H phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/ 0016532 ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thùy Dung**